

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI HỒ TIÊU VÀ MỘT SỐ TIẾN BỘ KỸ THUẬT TRONG SẢN XUẤT HỒ TIÊU

TS. Nguyễn Tăng Tôn

1. MỞ ĐẦU

Sản lượng hồ tiêu toàn cầu niên vụ 2011 đạt 308.500 tấn, giảm 3,2% so với năm 2010 (316.380 tấn) nhưng nhờ giá tiêu tăng cao; giá bình quân cả năm: tiêu đen 5.637 USD/tấn, tiêu trắng 8.114 USD/tấn, có thời điểm đạt mức trên 10.000 USD/tấn; đã góp phần làm tăng thu nhập của người nông dân trồng tiêu ở các nước sản xuất tiêu chính, như Ấn Độ, Brazil, Indonesia và Việt Nam (IPC, 2012).

Nhìn kỹ, giá tiêu trên thị trường thế giới tương quan chặt với giá thành sản phẩm hồ tiêu Việt Nam, do vậy hiện giá hồ tiêu vẫn ở mức trên 6.000 USD/tấn so với giá những năm 2002-2004, trước khi Việt Nam hội nhập vào Cộng đồng Hồ tiêu Quốc tế (IPC), có thời điểm giá tiêu dưới 1.200 USD/tấn.

Diện tích và sản lượng hồ tiêu trong nước tăng nhanh từ cuối những năm 1990 và đầu những năm 2000 đã đưa Việt Nam vươn lên là nước xuất khẩu hồ tiêu hàng đầu thế giới kể từ năm 2002. Tình hình này đã gây lo ngại cho IPC về khả năng cung vượt cầu, dẫn đến việc có thời điểm Cộng đồng Hồ tiêu Quốc tế đã đề xuất ý kiến với Hiệp hội hồ tiêu Việt Nam (VPA) xem xét giảm sản lượng hồ tiêu bằng cách hạn chế diện tích trồng mới hoặc bằng các giải pháp khác.

Từ năm 2001, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH & CN), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN & PTNT) tiến hành tuyển chọn các đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước và cấp Bộ nhằm hướng đến việc phát triển bền vững ngành hàng hồ tiêu. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam (KHKTNN MN) được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện chính một số đề tài. Viện và các cơ quan phối hợp thực hiện đã và đang cố gắng tìm các giải pháp khả thi giúp người nông dân trồng tiêu giảm thiểu rủi ro và ổn định thu nhập trong trường hợp dịch hại phát triển mạnh, môi trường không thuận lợi, giá hồ tiêu trên thế giới và trong nước thường bấp bênh, có lúc ngang bằng với giá thành sản xuất.

Trong khuôn khổ “**Hội thảo Quốc tế về dịch hại hồ tiêu kết hợp với trình diễn ngoài đồng**” do IPC chủ trì phối hợp với Viện KHKTNN MN và Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam tổ chức, tham luận này tập trung phân tích và tổng hợp các dữ liệu, thông tin liên quan đến công tác nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (GAP) phục vụ mục tiêu phát triển bền vững ngành hàng hồ tiêu.

2. SƠ LƯỢC QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH HÀNG HỒ TIÊU

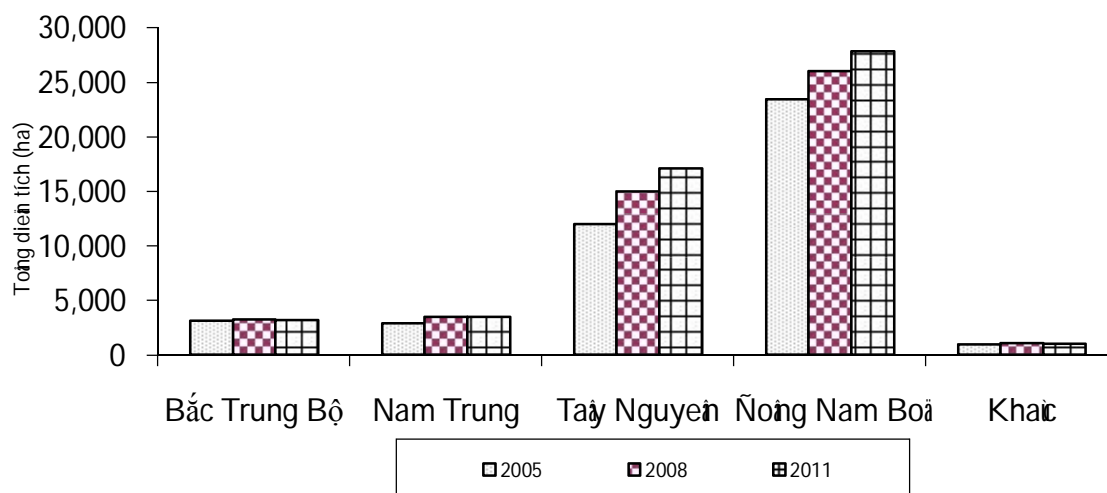
Ở Việt Nam, cây tiêu mọc hoang được tìm thấy từ trước thế kỷ XVI, nhưng đến thế kỷ XVII mới được đưa vào trồng (Chevalier, 1925). Đến cuối thế kỷ XIX, hồ tiêu được trồng với diện tích tương đối khá ở Phú Quốc, Hòn Chông và Hà Tiên (Kiên Giang), chủ yếu do người Hoa gốc ở đảo Hải Nam di cư vào lập nghiệp tại Hà Tiên. Cũng trong khoảng thời gian này và đầu thế kỷ XX, cây tiêu theo chân các chủ đồn điền người Pháp phát

triển lên Bình Phước, Bà Rịa-Vũng Tàu, Quảng Trị và Quảng Nam; cây tiêu chỉ mới được phát triển nhiều ở Tây Nguyên sau năm 1975.

2.1 Hiện trạng sản xuất hồ tiêu ở các tỉnh phía Nam

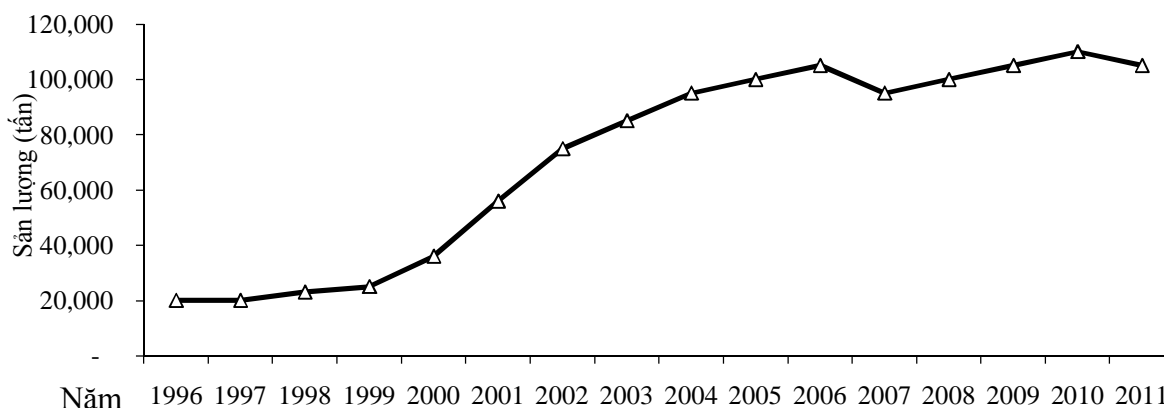
Diện tích, năng suất và sản lượng hồ tiêu

Đến cuối năm 2011, tổng diện tích hồ tiêu cả nước đạt 52.171ha, với 21 tỉnh trồng tiêu có qui mô diện tích trên 100ha. Diện tích hồ tiêu tập trung chủ yếu ở Đông Nam Bộ (23.526ha, 45,1%), Tây Nguyên (18.645ha, 35,7%) và Duyên Hải miền Trung (6.410ha, 13%). So với năm 2008, diện tích hồ tiêu tăng 1.820ha (10,6%), chủ yếu do diện tích được trồng mới chuyển từ các cây trồng khác kém hiệu quả (Hình 1).



Hình 1. Diện tích hồ tiêu ở các vùng trồng tiêu chính (2005-2011)

(Nguồn: www.mard.gov.vn/fsiu/data/trongtrot.htm, 20/7/2012)



Hình 2. Sản lượng hồ tiêu của Việt Nam năm 1996-2011

(Nguồn: www.fao.org/faostat, 20/07/2012; VPA, 2012)

Sản lượng hồ tiêu tăng đều từ năm 2000 (36.000 tấn) đến 2006 (105.000 tấn) chủ yếu do tăng diện tích thu hoạch, trong khi năng suất tăng không đáng kể, từ 2,20 tấn/ha lên 2,40 tấn/ha; sau đó sản lượng bắt đầu giao động từ năm 2007 đến năm 2011, nguyên nhân chính là do dịch bệnh gây hại và thời tiết không thuận lợi (Hình 2).

Hệ thống canh tác hồ tiêu

Qui mô diện tích trồng tiêu bình quân ở nông hộ phần lớn trong khoảng 0,2-0,7ha, trong đó ở Bình Phước diện tích bình quân/hộ là 0,6ha, Bà Rịa-Vũng Tàu 0,4ha, Phú Quốc 0,4ha, Đắk Lắk khoảng 0,7ha và Quảng Trị 0,2ha.

Hầu hết diện tích hồ tiêu được trồng thuần, chỉ một tỉ lệ nhỏ (1-2%) vườn tiêu có trồng xen. Ở Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, cây trồng xen trong vườn tiêu chủ yếu là cà-phê, nhất là những vườn tiêu trồng mới sau năm 1999, khi giá cà-phê giảm xuống dưới mức giá thành sản xuất, thực tế đây là vườn tiêu trồng xen vào vườn cà-phê. Ở hai vùng này, bên cạnh cây cà-phê, một số vườn tiêu có trồng xen cây ăn quả như sầu riêng, xoài, một vài vườn tiêu trồng xen điều.

Trồng xen các cây trồng khác trong vườn tiêu là một hình thức đa dạng hoá sản phẩm, giúp giảm thiểu rủi ro khi giá cả hồ tiêu biến động và hạn chế mức độ thiệt hại do sâu bệnh trên cây hồ tiêu.

Khó khăn chính trong việc đa dạng hoá hệ thống sản xuất ở vùng trồng tiêu là diện tích canh tác của nông hộ nhỏ, khoảng 1-2ha ở những hộ giàu và khá, hộ nghèo chỉ khoảng 0,5ha. Hộ giàu và khá chiếm khoảng 40-60% ở Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, và chỉ khoảng 20-25% ở Duyên Hải Miền Trung. Nhóm hộ nghèo gặp nhiều khó khăn trong việc đa dạng hoá các loại hình sản xuất nông nghiệp.

Giống hồ tiêu

Kết quả điều tra niên vụ 2008-2009 cho thấy các giống tiêu được trồng nhiều ở Đông Nam Bộ chủ yếu là giống Vĩnh Linh, một diện tích nhỏ trồng giống tiêu Sẻ, tiêu Trung, tiêu Ấn Độ, còn sót lại một vài vườn trồng giống Lada Belangtoeng xen với các giống khác; ở Phú Quốc phần lớn diện tích trồng giống tiêu Phú Quốc và giống tiêu Hà Tiên; ở khu vực Tây Nguyên phổ biến là giống tiêu Vĩnh Linh, ở các vườn tiêu già còn một vài vườn trồng các giống Sẻ Mỡ, Sẻ Lộc Ninh, tiêu Trung, tiêu Trâu, tiêu Tiên Sơn, Lada Belangtoeng, giống tiêu Ấn Độ chỉ mới được đưa vào trồng thử trong vài năm gần đây; ở Quảng Trị chủ yếu giống tiêu Vĩnh Linh và giống tiêu Sẻ (tiêu Cù).

Năng suất bình quân của các giống tiêu biến động trong khoảng 2,35-3,80 tấn/ha, trong đó giống có năng suất thấp nhất là giống tiêu Trâu, và giống cho năng suất cao nhất là giống Vĩnh Linh, bình quân hơn 3 tấn/ha. Các giống Sẻ Mỡ, Sẻ Lộc Ninh, tiêu Trung cho năng suất khá, bình quân 2,5-3,0 tấn/ha. Hầu hết các giống hồ tiêu cho năng suất cao nhất ở năm thứ 4-7, sau đó năng suất giảm khi vườn tiêu trên 9 năm tuổi. Giống Vĩnh Linh và giống Tiêu Trung có chất lượng hạt tiêu đen khá cao, tiêu sô thường đạt dung trọng trên 520 g/L.

Trụ trồng tiêu

Cơ cấu trụ trồng tiêu khá đa dạng, ở Tây Nguyên, Bình Phước và Phú Quốc trụ gỗ chiếm tỉ lệ cao (70-80%), các tỉnh còn lại ở Đông Nam Bộ và Quảng Trị tiêu trồng với trụ sống là chính (95%); trụ bê-tông và trụ gạch xây ít được sử dụng trong sản xuất.

Có sự chuyển hướng sang trồng tiêu trên cây trụ sống ở những vườn tiêu được trồng trong những năm gần đây tại Bình Phước và Tây Nguyên. Trụ sống được trồng với mật độ thưa hơn trụ gỗ và trụ bê-tông, số hom giống được trồng phổ biến là 2 hom/trụ. Năng suất hồ tiêu trên cây trụ sống và trụ gỗ không khác biệt nhiều.

Bón phân, tưới-tiêu nước và chăm sóc hồ tiêu

Kết quả điều tra trong sản xuất cho thấy ở hầu hết các vùng trồng tiêu phân đạm và phân lân thường được bón cao hơn mức khuyến cáo, do nông dân có tập quán sử dụng phân hỗn hợp NPK để bón, liều lượng thường được tính 1,5-2 kg/trụ phân NPK hỗn hợp (16-16-8 hoặc 20-20-15 N-P₂O₅-K₂O), ngoài ra còn một số hộ sử dụng đạm bón thúc vào đầu mùa mưa và kali bón ở đợt đầu mùa khô, lúc tiêu có trái non. Lượng phân hữu cơ bón cho hồ tiêu ở Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước và Đắk Lắk còn thấp (8-10 tấn/ha), chỉ có ở Phú Quốc, Gia Lai và Quảng Trị bón với lượng khá hơn (15-20 tấn/ha).

Riêng ở Phú Quốc kỹ thuật tưới nước cho tiêu là tưới rãnh, chu kỳ tưới 8-10 ngày/lần, ở các vùng trồng tiêu khác tưới bồn là chính, chu kỳ tưới 5-10 ngày/lần chiếm phần lớn, riêng ở Bà Rịa-Vũng Tàu đã bắt đầu áp dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm bằng hệ thống tưới phun mưa dưới tán, tuy chưa nhiều nhưng đây là giải pháp nhằm giảm áp lực nguồn nước trong mùa khô trong tình trạng nguồn nước ngầm bị cạn kiệt, giếng tưới không đủ khả năng cung cấp nước như hiện nay.

Ở Phú Quốc mương tưới cũng là mương thoát nước nên 100% các vườn đều có mương thoát nước trong mùa mưa, ở Quảng Trị, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên chỉ khoảng 35% vườn tiêu có mương thoát nước.

Ở hầu hết các vùng trồng tiêu, nông dân thường có tập quán làm sạch cỏ trong vườn tiêu, làm mất quân bình sinh thái trong vườn tiêu, tạo điều kiện cho nước chảy tràn trong mùa mưa, phát tán nhanh và rộng nấm gây bệnh chết nhanh, chết chậm và tuyến trùng. Việc làm sạch cỏ còn tạo điều kiện cho xói mòn và rửa trôi dưỡng chất ở những vườn tiêu trồng trên đất dốc.

Phòng trừ sâu bệnh hại tiêu

Kết quả nghiên cứu bước đầu cho thấy có năm loại bệnh hại hồ tiêu do nấm; một bệnh do tuyến trùng; sáu triệu chứng bệnh do virus, trong đó phổ biến nhất là đốm hoa lá; hai loài côn trùng gây hại chính là rệp sáp và bọ xít lưới.

Bệnh chết nhanh (do nấm *Phytophthora capsici*) và vàng lá chết chậm (do nấm, tuyến trùng và rệp sáp) là nguyên nhân chính làm suy thoái các vườn tiêu hiện nay. Có những vườn bệnh gây chết hàng loạt, thậm chí làm chết 100% số cây trong vườn. Thiệt hại do bệnh chết nhanh, vàng lá chết chậm và bệnh virus có khuynh hướng ngày càng tăng, nhất là ở những vùng trồng tiêu lâu đời như Bình Phước, Đồng Nai và Bà Rịa-Vũng Tàu.

Biện pháp hữu hiệu để phòng trừ bệnh chết nhanh và vàng lá chết chậm là thoát nước tốt trong mùa mưa, tưới vừa đủ ẩm trong mùa khô, trồng cây chắn gió quanh vườn tiêu, xử lý đất trong hố trước khi trồng bằng các loại thuốc hoá học như Bordeaux, Anvil, Mancozeb, Aliette, Supracide, Basudin, Furadan, Mokap và Champion.

Hầu hết cây vông dùng làm trụ tiêu bị ong vông (*Quadrastichus erythrinae*; Hymenoptera: Eulophidae) gây hại đồng loạt và trên diện rộng ở nhiều vùng trồng tiêu, làm cho cây vông không phát triển và chết dần, dẫn đến cây tiêu bị đổ và chết theo, nông dân dùng cây gòn (*Ceiba pentandra*) thay thế, gây tốn kém và năng suất vườn tiêu giảm khoảng 20-30% trong vài vụ thu hoạch.

Thu hoạch, sơ chế và bảo quản hồ tiêu ở nông hộ

Ở Phú Quốc và Đông Nam Bộ, thời vụ thu hoạch tập trung từ tháng 1 đến tháng 3, vùng Tây Nguyên từ tháng 2 đến tháng 5, riêng vùng Bắc Trung Bộ từ tháng 4 đến tháng 7. Nông dân thường thu hoạch tiêu ở thời điểm dưới 10% số quả chín, 2-3 đợt/vụ. Nông dân chưa chú trọng công đoạn phơi tiêu, hầu như không có che chắn khu vực phơi tiêu và không vệ sinh dụng cụ phơi, sân phơi nên hạt tiêu dễ nhiễm vi sinh do chất thải của súc vật; độ ẩm hạt tiêu sau khi phơi còn khá cao (trên 15%) nên dễ bị nấm mốc tấn công trong quá trình bảo quản. Sau khi phơi, tiêu chỉ được sàng, quạt để loại lá, cuống gié và một ít sỏi, cát trước khi bán hoặc bảo quản, do vậy tỉ lệ tạp chất trong sản phẩm còn khá cao (1-2%).

Do thu hoạch hồ tiêu với tỉ lệ tiêu chín thấp nên lượng tiêu sơ được chế biến ở nông hộ không đáng kể, riêng ở Phú Quốc một vài nông dân lựa tiêu chín trước khi tuốt quả để làm tiêu chín còn vỏ, sản phẩm có màu đỏ rất đẹp dùng bán cho khách du lịch, tiêu chín cũng đã được sản xuất ở Chư Sê (Gia Lai).

Trước đây, phần lớn nông dân trồng tiêu thường bán sản phẩm sau khi thu hoạch, chỉ một tỉ lệ nhỏ (khoảng 15%) giữ lại sản phẩm tại nông hộ quá hai tháng. Tuy nhiên trong vài năm gần đây, giá tiêu ở mức cao nên nông dân thường chỉ bán một phần sản phẩm sau khi thu hoạch, phần còn lại tồn trữ chờ thời điểm có giá tốt. Nông dân thường bảo quản sản phẩm hồ tiêu trong bao hai lớp, lớp trong là bao PE và lớp ngoài là bao PP. Ở các nông hộ nhỏ, bao tiêu được chất trên nền nhà hoặc nền kho, không có kệ hoặc pa-lét cách ly với nền, đây cũng là nguyên nhân làm cho sản phẩm dễ bị mốc.

2.2 Thương mại hồ tiêu

Kênh thương mại hồ tiêu trong nước

Cũng như hầu hết các nước sản xuất và xuất khẩu hồ tiêu ở Châu Á, hộ nông dân trồng tiêu ở Việt Nam thường không bán thẳng sản phẩm hồ tiêu cho đại lý thu mua, nhà máy chế biến hoặc doanh nghiệp xuất khẩu mà phần lớn bán cho thương lái (hộ thu gom). Có bốn thành phần chính tham gia trong kênh thương mại sản phẩm hồ tiêu từ sau khi thu hoạch cho đến khi xuống tàu tại cảng xuất, gồm hộ thu gom (thương lái), đại lý thu mua, nhà máy chế biến và doanh nghiệp xuất khẩu.

Số lượng, chất lượng, dạng sản phẩm, giá trị gia tăng, thời gian sản phẩm nằm lại tại mỗi khâu tương tự nhau ở hầu hết các vùng sản xuất, tuy có một vài khác biệt tùy theo điều kiện sản xuất và thị trường của từng vùng.

Đại lý thu mua thường có kho tồn trữ được 10-50 tấn tiêu, có phương tiện vận chuyển hoặc hợp đồng phương tiện vận chuyển thường xuyên để chở tiêu đến bán thẳng cho nhà máy chế biến hoặc doanh nghiệp kinh doanh-xuất khẩu hồ tiêu. Hồ tiêu thu mua từ thương lái hoặc nông hộ, đại lý xử lý theo hai hướng: hoặc bán thẳng cho doanh nghiệp/nhà máy chế biến, hoặc tiến hành sơ chế lại sản phẩm, chủ yếu là phơi, sấy cho khô đều, đạt ẩm độ dưới 14% và làm sạch tạp chất trước khi bán cho nhà máy/doanh nghiệp.

Một ít đại lý có vốn lớn, điều kiện kho bãi và mặt bằng, thay vì chỉ kinh doanh tiêu đen còn tổ chức chế biến tiêu sọ/tiêu trắng, số lượng tiêu sọ/tiêu trắng chế biến ở mỗi thời điểm tùy thuộc nhu cầu của các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu.

Hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu hồ tiêu lớn đều có nhà máy chế biến riêng, phần lớn các nhà máy chế biến đạt quy chuẩn thực hành chế biến tốt (GMP), do đó sản phẩm tiêu xuất khẩu của Việt Nam đạt tiêu chuẩn mặt hàng gia vị của các thị trường khó tính như Mỹ (ASTA), châu Âu (ESA) và Nhật Bản (JSA).

Xuất khẩu hồ tiêu

Trên 95% lượng hồ tiêu sản xuất hàng năm dùng cho xuất khẩu, và hồ tiêu Việt Nam được xuất khẩu sang hơn 80 nước và lãnh thổ. Việt Nam vẫn còn xuất khẩu một lượng lớn hồ tiêu theo tiêu chuẩn FAQ (Fair Average Quality). Tuy nhiên, điểm đáng lưu ý là tỉ lệ xuất khẩu tiêu trắng và tiêu đen theo tiêu chuẩn ASTA ngày một tăng, trong năm 2011 tiêu trắng chiếm tỉ lệ 16 % (14.488 tấn) và tiêu xay 11% (13.420 tấn) trong tổng lượng tiêu xuất khẩu.

Lượng hồ tiêu xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2011 là 118.416 tấn, cao hơn so với dự kiến ban đầu (105.000 tấn) và cao hơn so với năm 2010 là 1.575 tấn (6,9%), đạt kim ngạch xuất khẩu 693 triệu USD. Trong đó xuất sang thị trường chính là châu Âu (39,7%), châu Á (33,5%), châu Mỹ và châu Đại Dương (16,0%), và châu Phi (10,8%), phần còn lại xuất đi nơi khác. Cơ cấu thị trường có thay đổi so với năm 2010, tỉ lệ xuất khẩu sang Bắc Mỹ, châu Âu và châu Phi tăng, trong khi lượng xuất sang châu Á giảm.

Giá xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam biến động khá nhiều trong năm 2011, tiêu đen 4.340-7122 USD/tấn và tiêu trắng 6.936-9.226 USD/tấn, vẫn còn thấp hơn tiêu cùng tiêu chuẩn của Malaysia, Indonesia và Ấn Độ khoảng 200-250 USD/tấn.

3. MỘT SỐ TIẾN BỘ KỸ THUẬT TRONG SẢN XUẤT HỒ TIÊU

Từ cuối năm 2001, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam (KHKT NNMN) chủ trì và phối hợp với các cơ quan nghiên cứu và trường đại học (Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên, Viện Sinh học Nhiệt đới, Trung tâm Nghiên cứu Cây ăn quả Miền Đông Nam Bộ, Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Nông lâm Huế), các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT các tỉnh phía

Nam thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (NCKH & PTCN) cấp Nhà nước, ba đề tài trọng điểm cấp Bộ và một số đề tài NCKH & PTCN hợp tác với các tỉnh có trồng tiêu.

Những tiến bộ kỹ thuật từ kết quả các đề tài nêu trên cộng với kết quả một số đề tài các cơ quan nghiên cứu trong vùng đã thực hiện trước đó từng bước được đưa vào ứng dụng trong sản xuất. Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch hồ tiêu (*Piper nigrum* L.), mã số 10 TCN 915:2006, do Viện KHKT NNMN biên soạn đã và đang được áp dụng rộng rãi trong sản xuất.

3.1 Giống và nhân giống hồ tiêu

Kết quả điều tra, khảo nghiệm cơ bản và khảo nghiệm sản xuất cho thấy giống tiêu Vĩnh Linh có khả năng thích nghi với điều kiện tự nhiên vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Quảng Trị, giống ít nhiễm bệnh chết nhanh và chết chậm, vào vụ thu hoạch sớm, cho năng suất ổn định từ năm thứ tư (3,0-3,5 tấn/ha) và cao hơn các giống khác 10-30%, dung trọng trên 550 g/L; giống Tiêu Trung có ưu điểm là sinh trưởng khoẻ, chống chịu bệnh khá, cho năng suất gần tương đương với giống Vĩnh Linh, hạt to và dung trọng đạt trên 540g/L.

Xử lý hom tiêu giống với chất điều hoà sinh trưởng IBA (1 g/L) NAA (0,2 g/L) giúp tăng tỉ lệ sống của hom tiêu khi xuất vườn 10-12% so với không xử lý. Quy trình nhân giống tiêu *in vitro* sạch bệnh virus giúp hạn chế bệnh virus trong vườn tiêu, sau sáu năm trồng cây tiêu chưa có biểu hiện bệnh.

3.2 Trụ trồng tiêu

Trồng tiêu trên cây trụ sống giúp giữ cân bằng sinh thái trong vườn tiêu, giảm tỉ lệ tiêu chết do dịch bệnh, giảm chi phí đầu tư 40-50% khi trồng mới vườn tiêu so với trụ gỗ, trụ bê-tông hoặc bồn gạch xây, và nhất là giảm nạn phá rừng để lấy trụ gỗ trồng tiêu. Cây trụ sống thích hợp cho vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Phú Quốc bao gồm cây bình linh (*Leucaena leucocephala*), đỗ quyên (*Glyricidia sepium*), lòng mừc (*Wrightia annamensis*) và muồng cườm (*Cassia siamea*), ở Quảng Trị là mít (*Artocarpus heterophyllus*) và cóc rừng (*Spondias pinnata*).

3.3 Tạo tán, tỉa cành cây tiêu và cây trụ sống

Tiêu trồng bằng hom thân cần cắt ba lần cách ngọn khoảng 20-30cm, lần đầu 5-6 tháng sau khi trồng, lần hai khi tiêu được 13-14 tháng và lần ba khi tiêu được 21-22 tháng. Việc tạo tán giúp cây tiêu cho nhiều dây thân (6-10 dây/trụ), tiêu phủ đều trụ và cho nhiều cành ác, tăng năng suất ngay những vụ đầu.

Thường xuyên tỉa cành treo và cành lươn giúp cây tiêu có đủ dinh dưỡng để nuôi quả. Sau mỗi vụ thu hoạch cắt bỏ các cành tiêu có biểu hiện sâu bệnh, cành già cỗi, cành có lá chạm mặt đất giúp cây tiêu sinh trưởng khoẻ hơn và ít nhiễm nấm bệnh phát sinh từ đất. Tùy theo mức sinh trưởng của cây trụ sống, việc cắt tỉa cành cây trụ sống 3-4 lần trong mùa mưa giúp vườn tiêu thông thoáng, giảm thiệt hại do sâu bệnh, tăng ánh sáng cho cây tiêu quang hợp từ đó tăng năng suất vườn tiêu.

3.4 Tưới nước và bón phân cho hồ tiêu

Hộ nông dân có điều kiện đầu tư nên áp dụng biện pháp tưới nhỏ giọt hoặc tưới phun mưa dưới tán sẽ giảm được 30-40% lượng nước tưới, 20-30% công bơm tưới và 15-20% năng lượng dùng cho bơm tưới so với kỹ thuật tưới bồn truyền thống của nông dân trồng tiêu vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

Tăng cường phân hữu cơ có trộn nấm *Trichoderma harzianum* (10-20 tấn/ha), bón cân đối phân vô cơ theo tỉ lệ 3:2:2 (N-P₂O₅-K₂O) khi tiêu chưa cho trái và 3:1:3 khi tiêu cho trái ổn định từ năm thứ tư giúp cây tiêu sinh trưởng và phát triển tốt, giảm thiệt hại do dịch bệnh, tăng năng suất và giảm giá thành sản phẩm 10-15%.

3.5 Làm cỏ, trồng cây che phủ đất và tủ gốc

Làm cỏ quanh gốc tiêu ba lần sau khi vào mùa mưa một tháng, giữa mùa mưa và một tháng trước cuối mùa mưa; chỉ làm sạch cỏ trong vòng bán kính 30-50cm quanh gốc tiêu tùy theo tuổi của vườn tiêu, không làm sạch cỏ giữa các trụ tiêu nhằm hạn chế nước chảy tràn trong mùa mưa phát tán nấm bệnh gây hại.

Việc trồng cây che phủ đất như đậu phộng ma (*Arachis pintoi*), cỏ stylo (*Stylosanthes guianensis*) ngoài tác dụng như không làm sạch cỏ còn tổng hợp một lượng đạm đáng kể cho đất, cắt định kỳ cỏ stylo làm thức ăn cho trâu bò. Vào mùa khô dùng rơm rạ hoặc cỏ khô tủ quanh gốc tiêu giúp giữ ẩm, giãn chu kỳ và giảm lượng nước tưới.

3.6 Phòng trừ dịch hại tiêu

Ưu tư hàng đầu của người trồng tiêu là bệnh chết nhanh, biện pháp hạn chế mức độ lây lan và thiệt hại dựa trên cơ sở **phòng** là chính, vì khi phát hiện triệu chứng bệnh này trên cây tiêu thì rất khó để **trừ**.

Qui trình phòng trừ bệnh chết nhanh, chết chậm trên cây tiêu bằng biện pháp thiết kế mương/rãnh thoát nước cho vườn tiêu, xử lý đất trong hố trước khi trồng, dọn sạch thân lá cây bị bệnh đem chôn hoặc đốt, tăng cường phân hữu cơ có trộn nấm đối kháng *Trichoderma harzianum*, bón phân vô cơ với tỉ lệ N-P-K hợp lý cho từng giai đoạn sinh trưởng và phát triển của cây tiêu, tưới gốc/phun trên thân lá các hoá chất bảo vệ thực vật gốc đồng và gốc phosphonate vào đầu và giữa mùa mưa giúp hạn chế mức độ thiệt hại do bệnh.

Khử trùng dụng cụ cắt hom tiêu và tạo tán, tia cành cây tiêu bằng các dung dịch sát khuẩn như Cloramine nhằm hạn chế sự lây lan của bệnh virus từng bước được nông dân chấp nhận và đưa vào thực hiện.

Tuy nhiên, việc không làm sạch cỏ và trồng cây che phủ đất giữa các trụ tiêu cần được phổ biến rộng rãi và cần thực hiện nhiều mô hình, tổ chức nhiều hội thảo đầu bờ và tham quan để thuyết phục người nông dân bỏ dần tập quán làm sạch cỏ trong vườn tiêu.

3.7 Thu hoạch, sơ chế và bảo quản

Qua các buổi tập huấn về thu hoạch và sau thu hoạch cho nông dân ở các vùng trồng tiêu trọng điểm, một số nông dân bắt đầu chú ý hơn trong khâu thu hoạch, phơi và bảo quản hồ tiêu. Cụ thể một số nông dân cắt gié tiêu bỏ vào rổ/bao mang trước ngực thay vì cắt

thả xuống đệm/bạt trải dưới đất, giặt đệm/bạt và rửa sân phơi trước mỗi đợt phơi tiêu, dùng lưới rào chung quanh khu phơi tiêu để ngăn súc vật vào khu phơi. Một số nông dân vùng Tây Nguyên và Đồng Nai đã sử dụng máy sấy cà-phê và sấy bắp để sấy tiêu thay vì phơi nắng.

Nông dân trồng tiêu ngày càng quan tâm hơn đến khâu tồn trữ, hầu hết tiêu được đưa vào tồn trữ có độ ẩm dưới 14%, trong bao hai lớp (lớp trong là bao PE và lớp ngoài là bao PP) để chống ẩm mốc, bao được chất trên kệ hoặc pa-lét thay vì để trên nền xi-măng hoặc nền gạch.

Quy trình sản xuất tiêu sọ qui mô nhỏ đã được một số đại lý thu mua áp dụng, tuy nhiên do không thể cạnh tranh về giá thành với các nhà máy chế biến lớn nên số cơ sở chế biến tiêu sọ ngày càng giảm, và sản phẩm tiêu sọ của các cơ sở chế biến nhỏ chỉ phục vụ cho thị trường nội địa.

4. SẢN XUẤT HỒ TIÊU THEO GAP VÀ CHẾ BIẾN HỒ TIÊU THEO CHP

Người tiêu dùng trên thế giới và trong nước ngày càng chú trọng đến chất lượng sản phẩm, vệ sinh và an toàn thực phẩm, đặc biệt là sản phẩm hồ tiêu của Việt Nam được xuất khẩu chủ yếu vào thị trường châu Âu và Bắc Mỹ (55,7%) và trong vài năm gần đây là thị trường Nhật Bản.

Trước Kỳ họp hàng năm lần thứ 36 của IPC tổ chức tại TP. Hồ Chí Minh, FAO và IPC đã tổ chức hội thảo hai ngày (21-22/11/2008) tại Viện KHKT NNMN với sự tham gia của các nhà khoa học nghiên cứu về cây tiêu thuộc sáu nước thành viên (Ấn Độ, Brazil, Indonesia, Malaysia, Sri Lanka và Việt Nam) tập trung thảo luận về qui trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), qui trình quản lý dinh dưỡng tổng hợp (INM) cho cây hồ tiêu, dư lượng hoá chất bảo vệ thực vật tối đa (MRLs) trong sản phẩm hồ tiêu, từ đó đi đến nhất trí văn bản cuối cùng về thực hành nông nghiệp tốt (GAP) cho cây hồ tiêu và qui tắc thực hành vệ sinh cho sản phẩm hồ tiêu và các gia vị khác (Code of hygienic practice for pepper and other spices, CHP).

IPC GAP và IPC CHP đã được thông qua tại cuộc họp lần thứ 33 của Ban Kỹ thuật (33th PepperTech Meeting) ngày 26/11/2008 và được IPC chính thức ban hành tại buổi họp toàn thể của Cộng đồng vào chiều 26/11/2008.

Quy chuẩn GAP cho cây hồ tiêu do IPC ban hành với 19 trang, bao gồm:

1. Chọn lựa đất trồng: độ dốc, cao độ, lượng mưa, nhiệt độ, ẩm độ, địa điểm;
2. Quản lý đất đai: tầng canh tác, tính chất đất, cày bừa, quản lý độ dốc, độ acid của đất, tình trạng dinh dưỡng của đất, lý tính của đất;
3. Quản lý nước: quản lý nước ngầm và nước trong đất, khả năng giữ nước của đất, ô nhiễm nguồn nước, theo dõi tình trạng nước của cây tiêu và của đất;
4. Quản lý cây trồng tổng hợp (ICM): chọn giống và hom giống, chất lượng hom giống, ươm hom giống trong vườn ươm, sổ sách theo dõi, trụ trồng tiêu,

khoảng cách, chuẩn bị đất trồng, cây che phủ đất, cây trồng xen, trồng tiêu, quản lý cây tiêu còn nhỏ, che bóng cho cây tiêu;

5. Dinh dưỡng: dinh dưỡng hữu cơ (tiêu kiến thiết cơ bản, tiêu kinh doanh), dinh dưỡng tổng hợp (tiêu kiến thiết cơ bản, tiêu bắt đầu cho trái, tiêu cho năng suất ổn định), bón phân;
6. Quản lý dịch hại: giám sát, xác định và hành động tức thời, biện pháp phòng ngừa, giống kháng, kiểm soát dịch hại bằng biện pháp canh tác, biện pháp sinh học, biện pháp hoá học;
7. Thực hành thu hoạch và sau thu hoạch: thu hoạch và xử lý tiêu tươi, chế biến tiêu đen (tuốt hạt và sàng loại tạp chất, xử lý nước nóng, phơi sấy, đóng gói tại nông hộ), chế biến tiêu trắng (tuốt hạt và sàng loại tạp chất, ngâm nước, tuốt vỏ hạt, rửa, phơi sấy, hỗ trợ chế biến, sử dụng các chất hỗ trợ chế biến, làm sạch, đóng gói, bảo quản và tồn trữ, phân hạng, bảo trì dụng cụ).

IPC CHP cho sản phẩm hồ tiêu và các gia vị khác gồm tám mục được trình bày trong 9 trang:

1. Phạm vi áp dụng;
2. Định nghĩa: gia vị, phối trộn gia vị;
3. Yêu cầu vệ sinh trong khu vực sản xuất/thu hái: vệ sinh môi trường nơi sản xuất nguyên liệu thô (nơi sản xuất và thu hái thích hợp, tránh tạp nhiễm chất thải, kiểm soát dịch hại), phơi sấy/xử lý, làm sạch và chế biến, đóng gói, tồn trữ, vận chuyển, kiểm tra chất lượng;
4. Thiết kế và tiện nghi nhà xưởng: địa điểm, đường sá và mương thoát nước, nhà xưởng và các tiện nghi, thiết bị và công cụ (vật liệu, thiết kế, xây dựng và lắp đặt), nhận dạng thiết bị;
5. Nhà xưởng – Yêu cầu vệ sinh: bảo trì, vệ sinh và khử trùng, vệ sinh định kỳ, trang phục và vật dụng mang theo người, kiểm soát súc vật và dịch hại, tồn trữ và xử lý phế/phụ phẩm, tồn trữ và xử lý chất thải, tồn trữ và xử lý chất độc hại;
6. Vệ sinh cá nhân và yêu cầu sức khoẻ: tập huấn vệ sinh, khám sức khoẻ, bệnh lây truyền, thương tật, rửa tay, vệ sinh cá nhân, thói quen không tốt, trang phục lao động, khách tham quan, giám sát;
7. Nhà máy – Yêu cầu vệ sinh trong chế biến: yêu cầu nguyên liệu thô (tiêu chỉ chấp nhận, kiểm tra và phân loại, xử lý, tồn trữ), sử dụng nước, chế biến, đóng gói, tồn trữ thành phẩm, vận chuyển thành phẩm, qui trình lấy mẫu và phân tích trong phòng thí nghiệm; và
8. Đặc tính kỹ thuật của thành phẩm: xác định đặc tính kỹ thuật.

5. ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA NGÀNH HÀNG HỒ TIÊU VIỆT NAM

5.1 Điểm mạnh

- Việt Nam vươn lên là nước xuất khẩu hồ tiêu hàng đầu thế giới kể từ năm 2002 và tháng 3 năm 2005 Việt Nam là thành viên chính thức của IPC, đây là thuận lợi trong việc hợp tác với các nước thành viên khác và cùng IPC giải quyết những vấn đề liên quan đến cung/cầu, thị trường xuất khẩu và biến động giá cả.

- Trong khoảng năm năm qua, thị trường nhập khẩu hồ tiêu Việt Nam được mở rộng, từ khoảng 40 nước và vùng lãnh thổ lên trên 90 như hiện nay, từ các thị trường truyền thống và trung gian như Singapore và khối Đông Âu sang thị trường nhiều tiềm năng như châu Âu, Bắc Mỹ, Trung Đông và gần đây là Nhật bản.

- Năng suất hồ tiêu Việt Nam thuộc hàng cao nhất trong số các nước trồng và xuất khẩu hồ tiêu ở châu Á và giá thành sản phẩm hồ tiêu Việt Nam tương đối thấp hơn các nước trong khu vực.

5.2 Điểm yếu

- Hồ tiêu Việt Nam chưa có một thương hiệu nổi tiếng, người tiêu dùng trên thế giới chưa quen nhiều với hồ tiêu Việt Nam nếu so sánh với tiêu Muntok của Malaysia, tiêu Lampung của Indonesia, hoặc gần đây là tiêu Hải Nam của Trung Quốc.

- Việt Nam vẫn còn xuất một tỉ lệ lớn tiêu cấp thấp (FAQ), chất lượng chưa thật sự ổn định, chỉ khoảng 16% tiêu trắng và 25% tiêu đạt chuẩn ASTA, sản phẩm hồ tiêu xuất khẩu chưa đa dạng.

- Trong những năm gần đây, việc phát triển hồ tiêu do nông dân và địa phương tự phát là chính, có qui hoạch chung cho cả nước nhưng chưa có qui hoạch cụ thể cho từng vùng trồng tiêu.

5.3 Cơ hội

- Sau khi Việt Nam gia nhập IPC, vai trò của ngành hàng hồ tiêu Việt Nam được nâng cao; về phần mình ngành hàng hồ tiêu Việt Nam đã tiếp thu nhiều kiến thức và kinh nghiệm bổ ích trong trồng trọt, chế biến, cải thiện chất lượng và đa dạng hoá sản phẩm, quảng bá và tiếp cận thị trường từ các nước khác.

- Người tiêu dùng trên thế giới ngày càng quen dần với hồ tiêu Việt Nam khi lượng xuất khẩu trực tiếp đến thị trường tiêu thụ tăng thay vì xuất qua trung gian.

- Nhà nước Việt Nam quan tâm nhiều đến chương trình xúc tiến thương mại của VPA nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu; các nhà máy chế biến và doanh nghiệp xuất khẩu tập trung đầu tư tiện nghi nhà xưởng và trang thiết bị để có sản phẩm hồ tiêu đạt tiêu chuẩn cao hơn.

5.4 Thách thức

- Người tiêu dùng trên thế giới ngày càng quan tâm đến các tiêu chuẩn về chất lượng, vệ sinh và an toàn thực phẩm, trong khi một tỉ lệ lớn hồ tiêu xuất khẩu của Việt

Nam còn ở cấp thấp và chất lượng không ổn định; hồ tiêu được sản xuất, chế biến và tồn trữ theo qui trình và điều kiện chưa thật phù hợp.

- Cơ cấu giống hồ tiêu còn nghèo nàn, hầu hết giống đã nhập từ lâu, chỉ có một số ít giống được trồng rộng rãi trong sản xuất, vì vậy rủi ro do bệnh khá cao, khi bệnh phát triển thành dịch, có khả năng làm chết hoặc giảm tuổi thọ vườn tiêu.

- Qui trình kỹ thuật canh tác hồ tiêu phù hợp với từng vùng sinh thái chưa được phổ biến và ứng dụng rộng rãi trong sản xuất, phần lớn nông dân vẫn canh tác hồ tiêu theo kinh nghiệm của địa phương là chính.

6. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH HÀNG HỒ TIÊU

6.1 Giải pháp khoa học-công nghệ trong trồng trọt, thu hoạch, phơi sấy, sơ chế và bảo quản hồ tiêu ở nông hộ

- Nhân nhanh và đưa vào sản xuất các giống hồ tiêu thích nghi rộng, ít bị nhiễm bệnh như Vĩnh Linh, Ấn Độ, Lada Belangtoeng và tiêu Trung, từng bước trồng mới thay các vườn tiêu già cỗi cho năng suất thấp.

- Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật và đưa vào ứng dụng trong sản xuất các biện pháp phù hợp trong nhân giống, trồng và chăm sóc vườn tiêu, thu hoạch, sơ chế và bảo quản, đặc biệt là kỹ thuật bón phân cho tiêu ở từng độ tuổi trên nhiều vùng đất khác nhau, qui trình phòng trừ dịch hại, tưới nước kết hợp với bón phân N và K bằng hệ thống tưới nhỏ giọt hoặc tưới phun mưa dưới tán.

- Sớm xây dựng qui chuẩn VietGAP cho cây tiêu, xây dựng chương trình nghiên cứu, trình diễn và tập huấn tập trung vào các công nghệ phù hợp với qui chuẩn IPC GAP, IPC CHP để có được sản phẩm hồ tiêu đạt tiêu chuẩn ASTA, ESA và JSA.

- Áp dụng các giải pháp khoa học, công nghệ phù hợp để tăng lợi thế cạnh tranh của cây tiêu, như qui hoạch vùng đất trồng tiêu thích hợp, tuyệt đối không trồng trên vùng đất không phù hợp, thay thế dần các vườn tiêu già cỗi và vườn tiêu bệnh.

- Khuyến khích hệ thống đa canh, đa dạng hoá sản phẩm trong nông hộ nhằm giảm sự lệ thuộc vào một sản phẩm, giảm thiểu rủi ro do tác nhân sinh học và phi sinh học trong khi giá cả hồ tiêu còn bất ổn. Thử nghiệm một vài công thức luân canh như trồng theo luống (ley farming) giúp phục hồi độ phì của đất, cắt chu kỳ sâu bệnh so với hệ thống độc canh.

- Phổ biến rộng rãi thông tin và tài liệu kỹ thuật, tổ chức tập huấn về thu hoạch và sau thu hoạch cho nông dân trồng tiêu, chẳng hạn cắt gié tiêu cho vào bao/giỏ thay vì thả xuống đệm/bạt trải trên mặt đất, rửa kỹ sân phơi và giặt đệm/bạt phơi trước mỗi đợt phơi tiêu, che chắn kỹ quanh khu vực phơi, không để súc vật vào khu vực phơi tiêu, vì phân súc vật là nguồn lây nhiễm Salmonella sp. và E. coli, phơi đến khi hạt tiêu đạt độ ẩm dưới 13%, sàng quạt loại tạp chất và hạt nhẹ còn dưới 2% trước khi đưa vào tồn trữ.

6.2 Giải pháp thị trường

- Khuyến khích nông dân quan tâm hơn nữa đến giá trị tăng thêm của sản phẩm ở mức nông hộ, nhất là chất lượng sản phẩm sau thu hoạch.

- Cải thiện tiếp cận thị trường, xây dựng và quảng bá thương hiệu hồ tiêu Việt Nam, tập trung hơn nữa vào số lượng tiêu thụ thay vì thị phần, tiếp cận các thị trường mới như Trung Đông, Đông Âu, Trung Á và châu Phi. Tăng cường xuất khẩu tiêu ASTA, tiêu trắng và tiêu xay thay cho tiêu đen cấp thấp.

- Đa dạng hoá sản phẩm hồ tiêu như tinh dầu tiêu, tiêu ngâm giấm, tiêu xanh sấy hút chân không, kẹo tiêu; đưa tiêu vào thực phẩm chế biến thay vì xuất tiêu nguyên liệu.

- Quan tâm hơn nữa đến chất lượng hồ tiêu về mặt vệ sinh và an toàn thực phẩm xuyên suốt từ nông hộ đến khâu xuất khẩu tới tay người tiêu dùng.

6.3 Chính sách

- Cần thiết phải có qui hoạch thật tốt các vùng đất trồng tiêu, có chính sách hỗ trợ người nông dân ở những vùng trồng tiêu trọng điểm. Cơ quan nghiên cứu và chuyển giao tiên bộ kỹ thuật, khuyến nông các cấp cần nhanh chóng phổ biến rộng rãi thông tin về sản xuất hồ tiêu bền vững, chẳng hạn như trồng giống ít bệnh, biện pháp phòng trừ dịch hại có hiệu quả.

- Cập nhật và phổ biến rộng rãi thông tin về yêu cầu chất lượng hồ tiêu của các thị trường nhập khẩu đến doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu hồ tiêu, đại lý thu mua, người thu gom và nhất là người nông dân trồng tiêu.

- Song song với các đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đang được thực hiện, cần xây dựng các đề tài nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề mới phát sinh trong hệ thống sản xuất hồ tiêu như đa canh, kết hợp trồng trọt với chăn nuôi ở các vùng trồng tiêu chính để tạo nguồn phân hữu cơ tại chỗ, cải thiện thu nhập cho người nông dân trồng tiêu.

- Xây dựng chương trình nhập giống hồ tiêu mới từ Ấn Độ, Malaysia và Indonesia, khảo nghiệm các bộ giống có tiềm năng cho năng suất cao, ít nhiễm các loài sâu bệnh hại chính.

7. THAY CHO LỜI KẾT

Cùng với công cuộc đổi mới của cả xã hội nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, ngành hàng hồ tiêu Việt Nam đã cố gắng khắc phục những cản ngại và thách thức để trở thành nhà xuất khẩu hồ tiêu hàng đầu thế giới.

Ngành hàng hồ tiêu Việt Nam cần tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, tận dụng lợi thế cạnh tranh và cơ hội mới, cùng lúc phải giải quyết các vấn đề và thách thức đang đối mặt. “Nhà nước, nhà nông, nhà doanh nghiệp và nhà khoa học” cần cộng tác chặt chẽ hơn nữa, giúp đỡ nhau thật hiệu quả để giữ vững thành tích và biến tiềm năng thành hiện thực.